**Bảo Thái**

Khuê Phụ Thán

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Khuê Phụ Thán](" \l "bm2)

**Bảo Thái**

Khuê Phụ Thán

**Thượng Tân Thị**   
(1877-196  
I  
Chồng hỡi chồng ơi ! Con hỡi con !  
Cùng nhau chia cách mấy thu tròn.  
Ven trời góc bể buồn chim cá,  
Dạn gió dày sương tủi nước non.  
Mộng điệp khéo vì ai lẽo đẽo,  
Hồn quyên luống để thiếp thon von.  
Ngày qua tháng lại trông đăm đẳm,  
Muôn vạn xa xuôi mắt đã mòn.  
II  
Đã mòn con mắt ở Phi Châu,  
Có thấy chồng đâu con ở đâụ  
Dẫu đặng non xinh cùng bể tốt,  
Khó ngăn ió thảm với mưa sầụ  
Trách ai dắt nẻo khôn lừa lọc,  
Khiến thiếp ra thân chịu dãi dầụ  
Bớ bớ xanh kia sao chẳng đoái,  
Xui lòng oằn oại trót canh thâụ  
III  
Canh thâu chưa nghỉ hãy còn ngồi,  
Gan ruột như dầu sục sục sôị  
Nghĩ a gá ấp yêu đành lỡ dở,  
Công cho bú mớm chắc thôi rồị  
Quyết gìn giữ dạ tròn sau trước,  
Biết cậy nhờ ai tỏ khúc nôi !  
Dâu bể xanh xanh trời một góc,  
Hỡi chồng ơi ! Với hỡi con ôi !  
IV  
Con ôi ! Ruột mẹ ngướu như tương,  
Bảy nổi ba chìm xiết thảm thương.  
Khô héo lá gan cây đỉng Ngự,  
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương.  
Quê người đành gởi thân trăm tuổi,  
Đất tổ mong vì nợ bốn phương.  
Mẹ cũng trông mau rồi một kiếp,  
Để cho vẹn vẽ mối cang thường.  
V  
Cang thường gánh nặng cả hai vai,  
Biết cậy cùng ai tỏ với ai.  
Để bụng chỉ e tằm đứt ruột,  
Hở môi thì sợ vách nghiêng taị  
Trăng khuya nương bóng chinh chinh một,  
Kiếng bể soi hình tẻ tẻ hai.  
Nhắm thử từ đây qua đến đó,  
Đường đi non nước độ bao dài ?  
VI  
Bao dài non nước chẳng hay cùng,  
Xin gởi hồn ta đến ở chung.  
Sống thác miễn cho tròn một tiết,  
Trước sau khỏi thẹn với ba tùng.  
Quê nhà đã có người săn sóc,  
Đất khách nương nhau khỏi lạ lùng.  
Mảng tính chưa xong vừa chớp mắt,  
Trống lầu đâu đã đổ lung tung.  
VII  
Đã đổ lung tung tiếng thành,  
Giựt mình tỉnh dậy mới tàn canh.  
Sương sa lác đác dằn tàu lá,  
Gió thổi lai rai lạc bức mành.  
Cảnh ấy tình này thôi hết muốn,  
Trời kia đất nọ nỡ bao đành.  
Thương nhau chẳng đặng cùng nhau trọn,  
Xin hẹn chung cùng kiếp tái sanh.  
VIII  
Kiếp tái sanh may có gặp không,  
Kiếp này đành thẹn với non sông.  
Chiêm bao lẩn thẩn theo chơn bướm,  
Tin tức bơ vơ lạc cánh hồng.  
Tính tới tính lui thân cá chậu,  
Lo quanh lo quẩn phận chim lồng.  
Đã không chung hưởng thôi thì chớ,  
Sao lỡ xa nhau chồng hỡi chồng !  
IX  
Hỡi chồng ! Có thấu nỗi nầy chăng ?  
Sóng gió khi không dậy đất bằng.  
Non nước chia hai trời lồng lộng,  
Cha con riêng một biển giăng giăng.  
Mối sầu kia gỡ khoanh chưa hết,  
Giọt thảm này tuôn bửng khó ngăn.  
Ngán bấy cuộc đời khôn gượng gạo ,  
Canh chầy còn ở dưới cung trăng.  
X  
Ở dưới cung trăng luống nỉ non,  
Đắng cay như ngậm trái bồ hòn.  
Khói mây giọng quốc nghe hơi mỏn,  
Sương tuyết mình ve nhắm đã mòn.  
Lằn mõ làng xa canh lốc cốc,  
Tiếng chua chùa cũ dộng bon bon.  
Nỗi riêng ai biết ta thương nhớ,  
Chồng hỡi chồng ơi ! Con hỡi con !  
Tháng 3, 1919  
  
( Bài Khuê Phụ Thán nói lên nỗi niềm của bà Nguyễn Thị Phi khi vua Thành Thái bị Pháp đưa đi lưu đày sang đảo Réunion sau việc chống đối chế độ cai trị của Pháp bị thất bại.  
Nổi Lòng Thượng Tân Thị  
Cố đô Huế ngày một trầm xuống, với những nếp rêu phong như mang trên mình nó ký ức nặng chĩu của một dĩ vãng đau buồn vời vợi.  Mỗi một đường nét, mỗi một vẻ của kinh thành đều muốn nói lên nỗi lòng hoài vọng, thương tiếc, xót xa của một thời vang bóng.  Cỏ cây, sông núi hình như cũng chung một niềm đau trước sự suy tàn của một triều đại.  
              
Trên hết những nỗi đau thống thiết, người ta đọc thấy nỗi lòng của một bà mẹ với những giọt nước mắt âm thầm qua bài thơ của Thượng Tân Thị:  
“Con ôi, ruột mẹ ngấu như tươngBảy nổi ba chìm xiết thảm thương.Khô héo lá gan cây đỉnh Ngự,Ðầy vơi giọt lệ nước sông HươngQuê người đành gởi thân trăm tuổi,Ðất tổ mong vì nợ bốn phương.Mẹ cũng trông mau rồi một kiếpÐể cho vẹn nỗi mối can thường.”  
(năm 1919)  
Ðây là bài thứ 4 trong 10 bài Khuê Phụ Thán của Thượng Tân Thị.    
Nếu đúng với tâm tình ký thác trong bài thơ nầy, tác giả Thượng Tân Thị chính là bà hoàng phi Nguyễn thị Ðịnh, thân mẫu của vua Duy Tân đã khóc thân nhân mình trong hoàn cảnh cùng chồng và con đi đày ở đảo Réunion, thuộc địa Pháp ở Phi Châu. Ðiều nầy viết theo nhận định của một số bà con trong hoàng tộc. Tuy nhiên, có nhiều người cho Thượng Tân Thị chỉ là bút hiệu của một thi sĩ nào đó muốn thác tâm tình của bà hoàng phi mà thôi.  Sự thật như thế nào, xin nhường lại cho các bậc trưởng thượng hiểu rõ vấn đề hơn.  Người viết chỉ trình bày nỗi lòng của một bà mẹ ký thác trong thơ Thượng Tân Thị mà thôi.  
Tìm đọc giả phả giòng họ Nguyễn Phước, nhất là về các vua Thành Thái, Duy Tân thuộc hệ 4/ Chánh Biên, người viết rất tiếc không được đọc bản gốc của hệ 4 Chánh Biên mà chỉ căn cứ trên cuốn “Nguyễn Phước Tộc Thế Phả” xuất bản vào năm 1995 gần đây mà thôi.    
Trong cuốn Gia Phổ nầy hệ 4 Chánh Biên có thật nhiều khoảng trống. Có thể vì người có trách nhiệm ghi chép phổ tộc trước đây đã ghi chép không đầy đủ, không rõ ràng, nên những người thuộc lớp sau không truy lục lại được.  Chẳng hạn về bà hoàng phi phối ngẫu của vua Thành Thái, thân mẫu của vua Duy Tân, phổ tộc chỉ ghi là bà Nguyễn (Tài) thị Ðịnh, không có năm sinh, năm mất, năm phong tước...Riêng vua Duy Tân sinh ngày 26 tháng 8 năm Canh Tý (19-9-1900).  Ngoài ra, điều ai cũng biết, vua Thành Thái có nhiều phu nhân, nhưng không có bà nào được ghi trong cuốn gia phổ nầy để xác định ai là thân mẫu của 19 hoàng nam và 26 hoàng nữ, con của ngài.  
Bối cảnh lịch sử   
Sau khi vua Ðồng Khánh mất vào ngày 27-12 năm Mậu Tý (28-1-1889), triều đình Huế và hoàng tộc đã gặp trở ngại trong việc chọn người kế vị.  
Con của ngài Ðồng Khánh có:  
-Bửu Nguy (chết sớm)  
-Bửu Nga (chết sớm)  
(mẹ là bà Phụ Thiên Thuần Hoàng Hậu).   
-Bửu Ðảo (hay Tuấn) tức là vua Khải Ðịnh về sau nầy.  
-Bửu Khoát (mẹ là bà Hựu Thiên thuần Hoàng Hậu).  
Bửu Ðảo (sinh năm 1885) lúc nầy chỉ vừa 4 tuổi, tuổi quá nhỏ không thể nối ngôi được cho nên triều đình và lưỡng cung (Từ Dũ Thái Hoàng Thái Hậu và Lệ Thiên Anh hoàng hậu) quyết định chọn Bửu Lân:  
Bửu Lân (sinh năm 1879) con của vua Dục Ðức lúc nầy được 10 tuổi kế vị ngôi vua. Lúc nêu lý do ngài Bửu Ðảo không được chọn để nối ngôi, về sau nầy có nhà văn đã viết: “Tại sao Khải Ðịnh không được nối ngôi Ðồng Khánh năm 1888? . . .Hội Ðồng Hoàng tộc xét thấy ông không hội đủ một số điều kiện cần thiết, trong đó có vần đề không có con nối dòng cũng đã được đề cập đến.”  Viết như vậy là thêu dệt thêm.  Ai lại đặt vấn đế không có con nối dòng lúc người ấy còn là vị thành niên 4 tuổi?  
Vua Thành Thái được chọn nối ngôi, đến bái yết quan tài của vua Ðồng Khánh (gọi là tử cung) sau đó, sang nội các chọn ngày tấn tôn.  Người ta cho rằng vua Thành Thái có “chân mạng đế vương” vì ngài đã bói được hai câu trong sách Luận Ngữ:   
-câu đầu trong thiên “Công Dã Tràng”: Tử vị Công Dã Tràng:“Khá thế dã.  Tuy tại luy tiết chi trung, phi kỳ tội dã dĩ tử thế chi.”  
Dịch nghĩa: Khổng Tử nói về Công Dã Tràng rằng:  “Có thể gả con gái cho trò ấy. Dù trò ấy ở trong cảnh lao tù nhưng không phải là người có tội.”  Rồi đem gả con gái cho Công Dã Tràng.  
-câu hai trong Thiên Ung Dã là:  
Tử viết:  “Ung dã, khả sử Nam điện.”  
Dịch nghĩa:  Khổng Tử nói rằng:  “Trò Ung có thể ngồi ngoảnh mặt về hướng Nam (tức là vị trí của vua ngồi để trị nước)".  
Hai câu trên đều ứng với hoàn cảnh của ngài lúc đó.  
Tuy nhiên, cũng có nhiều dư luận cho việc chọn ngài nối ngôi không phảI do ý kiến của lưỡng cung và  của triều đình mà do có người “tay trong” làm việc tại Tòa Khâm, đó là ông Diệp Văn Cương vốn là chồng của công chúa Công Nữ Thiện Niệm.  Công chúa Thiện Niệm con của ThoạI Thái Vương, vua Thành Thái gọi bằng cô ruột.   
Nguyên do vua Ðồng Khánh mất, Cơ mậy viện không dám chọn vua mới nên phảI sang Tòa Khâm để hỏi ý kiến của vị Khâm Sứ.  Ông Diệp Văn Cương làm việc tại đây lãnh trách nhiệm thông dịch.  Chú thích của Nguyễn Phước Tộc Thế Phả (trang 39 ghi như sau:  
Cơ mật viện hỏi:  “Hiện nay vua Ðồng Khánh đã thăng hà, theo ý cùa quí Khâm Sứ thì nên chọn ai kế vị?”  
Ông Diệp Văn Cương dịch câu trên thành:  “Nay vua Ðồng Khánh đã thăng hà, lưỡng tôn cung và Cơ mật viện đồng ý chọn hoàng tử Bửu Lân lên nối ngôi, không biết ý kiến của quí Khâm Sứ như thế nào?”  
Nghe vậy quan Khâm Sứ đáp: “Nếu lưỡng cung và Cơ mật viện đã đồng ý chọn hoàng tử Bửu Lân thì tôi xin tán thành.”  
Câu này ông Diệp Văn Cương lại dịch là: “Theo ý tôi thì các quan Cơ mật nên chọn hoàng tử Bửu Lân là hơn cả.”  
Chú thích ghi tiếp:  
“Sự lên ngôi của vua Thành Thái nhờ công của ông Diệp Văn Cương rất lớn, ông là chồng của bà Công Nữ Thiện Niệm, con của Thụy Thái Vương, là cô ruột của vua Thành Thái.”  
Trong mục:  “Chuyên Huế Mình”, lúc viết về vua Thành Thái lên ngôi, học giả Thái Văn Kiểm đă trích lại đầy đủ đoạn nầy, để in trong tập Việt Nam Anh Hoa do Làng Văn xuất bản năm 1996 (trang 353).  
Ngày mồng 2 tháng 1 năm Kỷ Sửu (1-2-1889) ngài lên ngôi ở điện Thái Hòa, lấy niên hiệu là Thành Thái.  Ngài lên ngôi trong hoàn cảnh đất nước bị đặt duới quyền đô hộ của thực dân Pháp, nên quyền hành của triều đình ngày một thu hẹp dần.  Có tinh thẩn yêu nước, ngài càng bày tỏ sự chống đối thực dân Pháp.  Ðể tránh sự chú tâm theo dõi của Pháp, nhiều lúc ngài đã giả điên.  
Năm Ðinh Mùi (1907) dưới áp lực của thực dân Pháp, triều đình Huế buộc ngài thoái vị với lý do “đau bệnh tâm thần”.  Pháp đưa ngài đi an trú ở Cap Saint Jacques (Vũng Tàu).  
Sau đó năm Bính Thìn (1916) họ đưa ngài đi an trí tại đảo Réunion, thuộc địa của Pháp ở Phi Châu.  
Người kế vị ngài là vua Duy Tân. Nhưng, vua Duy Tân sau đó cũng bị bắt đi đày cùng với vua cha:  
-xuống tàu Avardiana ngày 3-11-1916,  
-đến bến ngày 20-11-1916.  
Cùng đi trong chuyến nầy có bà hoàng mẫu Nguyễn Thị Ðịnh (tức là thân mẫu của ngài), bà Mai Thị Vàng, cùng hoàng nữ Lương Nhân, con gái thứ 16 của vua Thành Thái.  
Sống ở đảo Réunion được 2 năm. Về sau, không chịu đựng được khí hậu khắc nghiệt ở Phi Châu, nên các bà đều xin hồi hương về Huế.  
Bà Nguyễn Thị Ðịnh tá túc tại An Lăng, An Cựu và sau đó mất không rõ ngày tháng năm.  
Bà Mai Thị Vàng mất vào ngày 25 tháng 1 năm Canh Thân (tức 11-3-1980) tại Kim Long, Hương Trà, Thừa Thiên.  
Bài thơ ghi trên là bài thứ 4 trong 10 bài Khuê Phụ Thán, viết năm 1919.  Có lẽ đúng là thời gian ít lâu sau khi bà từ giã vua Thành Thái và Duy Tân để trở về cố đô.  Bài thơ thác nỗi lòng của bà mẹ phải xa con, xa chồng:  
Con ôi, ruột mẹ ngấu như tương,Bảy nổi ba chìm xiết thảm thương.Khô héo lá gan cây đỉnh NgựÐầy vơi giọt lệ nước sônh Hương.   
Nhìn lại, không riêng gì với tác giả Thượng Tân Thị mà bất cứ người mẹ Việt Nam nào cũng yêu con với tấm lòng bao la như biển cả.  Từ lúc con còn tấm bé, các bà mẹ cho con từng miếng ăn, tấm áo, giấc ngủ; lúc con khan lớn, các bà mẹ lại lo giáo dục để cho con nên người xứng đáng.  Các bà mẹ hy sinh cho hạnh phúc con cái hơn hạnh phúc của chính mình.  
Ðiểm nổi bật trong bài thơ của Thượng Tân Thị chính là nỗi lòng của người mẹ đã trải qua những giờ phút vinh quang và tủi nhục, đã pha trộn sung sướng và nước mắt trong giấc mộng ảo ảnh phù du ở đời. . .Ôi, cuộc đời đầy ảo ảnh phù du!  Vinh quang đấy rồi tủi nhục đấy.  Sung sướng, hạnh phúc đấy rồi đau khổ tràn đầy pha trộn những nước mắt đấy.  O bà Thượng Tân Thị, bước lên địa vị của một bà hoàng quí phi và được làm mẹ của một vì vua, không phải là tột đỉnh của danh giá hay sao?  Nhưng, thời gian được mấy chốc?  Chỉ ngay sau đó, giấc mộng vinh quang trần thế đã tan biến đi để chỉ còn lại những giọt nước mắt của người vợ khóc chồng, của người mẹ khóc con trong thân phận của những kẻ đi đày.  
Ðọc những bài ngự thi của vua Thành Thái:  Dạ nguyệt phiếm châu Ngự Hà (viết năm 1900) và Thăng Long Thành (viết năm 1902) chúng ta mới thấy tấm lòng của vua đối với quê hương đất nước.  Ðiều chắc chắn là ngài không điên mặc dầu bị buộc thoái vị vì mang bệnh tâm thần, để rồi sau đó bị đưa đi đày suốt 32 năm.  Ðó chính là một điều oan trái.  
Dạ nguyệt phiếm châu Ngự Hà  
Ngọc kích cao huyền dạ sắc thanhNgự Hà nhất vọng thủy trừng minh.Khinh đao quế phảng thừa ba phiếm,Sậu vũ lan nhiêu trục lãng hành;Ngạn thượng kỳ hoa hương phức úc,Lưu trung thố ảnh chiểu tinh oanh.Xuân tiêu tín thị thiên kim giá,Dương vũ hàm nghi thảo mộc vinh.  
(Canh Tý 1900)  
Thăng Long Thành  
   
Kỷ độ tang thương kỷ độ kinhNhất phiên hồi thủ nhất phiên tìnhNgưu hồ dĩ biến tam triều cuộcHổ động không dư bách chiến thànhNùng lĩnh phù vân kim cổ sắcNhị hà lưu thủy khốc ca thanhCầm hồ đoạt sáo nhân hà tại?Thùy vị giang san tẩy bất bình?  
(Nhâm Dần 1902)  
Ðọc Thượng Tân Thị để thấu hiểu tấm lòng của một bà mẹ Việt Nam có chồng và có con ở trên ngôi hoàng đế nhưng lại chính là những kẻ đang phải đi đày ở xứ người.  Không có gì thống thiết hơn nổi lòng của một người chỉ muốn kết thúc cuộc đời tròn một kiếp!  
“Con ôi, ruột mẹ ngấu như tương,Bảy nổi ba chìm xiết thảm thương.Khô héo lá gan cây đỉnh NgựÐầy vơi giọt lệ nước sônh HươngQuê người đành gởi thân trăm tuổiÐất tổ mong vì nợ bốn phương.Mẹ cũng trông mau rồi một kiếpÐể cho vẹn nỗi mối can thường.”

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn: cadao.com  
Được bạn: Ct.Ly đưa lên  
vào ngày: 25 tháng 1 năm 2005